TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Văn Chế;

Ông Triệu Minh Tư.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Pa Thị Đ**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lê Xuân H**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Pa Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân H trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau gần 01 năm, sau đó về chung sống với nhau, có 01 con được gần một tháng mới đi đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H làm ăn thua lỗ, đã rất nhiều lần phải bán tài sản để trả nợ. Mỗi lần xảy ra tranh cãi nhau là anh H lại đánh đập

chị Đ, đuổi chị Đ ra khỏi nhà, cả hai vợ chồng đều đã cố gắng bỏ qua cho nhau để tiếp tục chung sống và nuôi dậy con cái, nhưng mẫu thuẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù đã được anh em, bạn bè và gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh H không có thay đổi. Xác định không thể chung sống với anh H được nữa, chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân H.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Xuân M, sinh ngày 10/02/2005 và cháu Lê Thu H1, sinh ngày 23/10/2011. Hiện nay cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H1 hiện nay đag sinh sống cùng với chị mẹ, khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đ tự nguyện chịu toàn án bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Toà án thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Xuân H nhiều lần, anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc theo yêu cầu, không cung cấp lời khai nêu quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 19/12/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn tại địa phương. Xác minh về nguyện vọng của con chung và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Pa Thị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, nội dung đơn thể hiện đầy đủ quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa anh Lê Xuân H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Pa Thị Đ về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Lê Xuân H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Pa Thi Đ được ly hôn với anh Lê Xuân H.

3. Về con chung: Giao cháu cháu Lê Thu H1, sinh ngày 23/10/2011 cho chị Pa Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, do đó không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Lê Xuân H cư trú tại là thôn G, xã T, tỉnh Tuyên Quang do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Pa Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Xuân H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương theo quy định. Kết quả xác minh, trưởng thôn Giang N cung cấp anh Lê Xuân H hiện tại vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương, anh H làm nghề chạy xe máy đi tua du lịch vài ngày lại về nhà, anh H đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Pa Thị Đ và anh Lê Xuân H có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2005 tại UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng làm ăn kinh tế không được thuận lợi, anh H không quan tâm đến vợ con và gia đình, có hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được anh em, bạn bè và gia đình khuyên bảo nhiều lần, hai anh chị cũng đã tạo điều kiện và cho nhau cơ hội hàn gắn mâu thuẫn nhưng không cải thiện được. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Pa Thị Đ, giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh Lê Xuân H.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Xuân M, sinh ngày 10/02/2005 và cháu Lê Thu H1, sinh ngày 23/10/2011. Hiện nay cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó HĐXX không xem xét giải quyết. Chị Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án xác minh về điều kiện nuôi dưỡng, học tập và nguyện vọng

của con chung, cháu Lê Thu H1 cho biết cháu có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Bên cạnh đó nhà trường cung cấp thông tin hiện nay cháu H1 đang theo học lớp 9 tại Trường P bán trú, Trung học cơ sở xã T, cháu H1 không thuộc diện được hưởng chế độ bán trú tại nhà trường, nhưng cháu H1 được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập 150.000/tháng (bằng tiền mặt) theo Nghị định 238/NĐ-CP của Chính phủ. HĐXX xét thấy: Hiện nay cháu H1 đang chung sống ổn định với mẹ và được học tập đầy đủ. Việc giao cháu H1 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng nguyện vọng của cháu, đảm bảo cho cuộc sống, học tập và sự phát triển toàn diện của cháu được ổn định, không bị xáo trộn nên cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Pa Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Pa Thị Đ và bị đơn anh Lê Xuân H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Pa Thị Đ được ly hôn với anh Lê Xuân H.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Thu H1, sinh ngày 23/10/2011 cho chị Pa Thị Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Đ và anh H có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Pa Thi Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0000738 ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phúc